

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày: 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,817,878,538,503</b>	<b>1,909,324,675,816</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>12,707,313,325</b>	<b>8,912,863,533</b>
1. Tiền	111	V.01	12,707,313,325	8,912,863,533
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>457,967,591,017</b>	<b>711,352,936,274</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	342,836,738,475	545,385,402,664
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	97,059,771,518	96,382,363,341
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	1,485,000,000	502,497,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	45,396,926,798	175,986,741,316
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(28,810,845,774)	(106,917,879,711)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	13,611,564
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.07	<b>1,302,402,580,305</b>	<b>1,147,570,616,730</b>
1. Hàng tồn kho	141		1,304,063,120,914	1,148,752,626,752
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1,660,540,609)	(1,182,010,022)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>44,801,053,856</b>	<b>41,488,259,279</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08a	6,711,131,750	5,782,508,084
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		38,089,922,106	35,705,751,195
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,459,080,242,062</b>	<b>1,417,540,366,116</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>19,265,193,645</b>	<b>10,562,705,092</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	19,265,193,645	10,562,705,092
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>479,143,228,983</b>	<b>417,450,677,559</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	173,205,269,687	215,110,529,664
- Nguyên giá	222		810,569,153,701	796,016,936,496
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(637,363,884,014)	(580,906,406,832)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	92,240,765,654	86,189,295,375
- Nguyên giá	225		144,390,612,879	117,001,281,474
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(52,149,847,225)	(30,811,986,099)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	213,697,193,642	116,150,852,520
- Nguyên giá	228		215,658,800,425	117,035,759,775
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,961,606,783)	(884,907,255)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>119,812,339,953</b>	<b>164,744,293,920</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	119,812,339,953	164,744,293,920
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.13	<b>754,887,018,118</b>	<b>725,243,163,696</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		624,900,000,000	517,355,000,000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		215,325,000,000	221,023,000,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(85,337,981,882)	(13,134,836,304)

<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>85,972,461,363</b>	<b>99,539,525,849</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08b	85,342,461,363	99,314,525,849
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	630,000,000	225,000,000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>3,276,958,780,565</b>	<b>3,326,865,041,932</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,978,050,893,556</b>	<b>1,973,635,875,401</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,639,165,279,159</b>	<b>1,855,014,741,530</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	209,251,146,096	380,593,844,904
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	8,723,355,855	24,622,531,990
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	5,437,636,449	2,638,482,617
4. Phải trả người lao động	314	V.18	41,976,277,095	43,052,724,635
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	8,055,075,403	9,581,055,559
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	61,436,367,304	34,709,277,266
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1,303,072,169,260	1,358,547,464,118
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1,213,251,697	1,269,360,441
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>338,885,614,397</b>	<b>118,621,133,871</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	338,885,614,397	118,621,133,871
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1,298,907,887,009</b>	<b>1,353,229,166,531</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1,298,907,887,009</b>	<b>1,353,229,166,531</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	660,000,000,000	660,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		660,000,000,000	660,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		611,965,459,100	611,965,459,100
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		29,000,000,000	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(27,417,629,848)	(27,417,629,848)
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24,882,152,794	108,270,425,992
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11,201,789,509	108,270,425,992
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13,680,363,285	-
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.24	477,904,963	410,911,287
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>3,276,958,780,565</b>	<b>3,326,865,041,932</b>

Người lập biểu



Mai Ngọc Tùng

Kế toán trưởng



Lê Tiến Dũng

Lập, ngày 19 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám Đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Nhật



# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

## Quý 4 năm 2015

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.01	694,882,409,987	855,702,466,184	2,528,472,270,243	2,780,079,954,026
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V1.02	7,898,996,606	2,566,180,886	33,995,617,710	10,336,726,462
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		686,983,413,381	853,136,285,298	2,494,476,652,533	2,769,743,227,564
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.03	572,886,171,289	717,493,883,241	2,110,710,919,006	2,349,241,515,044
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		114,097,242,092	135,642,402,057	383,765,733,527	420,501,712,520
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.04	9,707,787,023	8,685,275,441	41,974,524,409	20,895,545,300
7. Chi phí tài chính	22	V1.05	29,621,528,467	25,021,696,644	116,178,792,185	83,338,624,982
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21,943,756,199	18,314,677,617	80,528,123,839	65,851,935,203
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(65,720,236,546)	-	(70,034,213,203)	-
9. Chi phí bán hàng	25	V1.06	41,588,427,991	68,942,900,557	160,657,767,969	192,476,479,686
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V1.07	16,605,768,568	36,197,950,462	67,448,365,162	113,734,619,822
11. Lợi nhuận thuần từ HĐKD (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		(29,730,932,457)	14,165,129,835	11,421,119,417	51,847,533,330
12. Thu nhập khác	31	V1.08	1,313,421,905	3,453,249,808	10,382,901,847	13,440,285,795
13. Chi phí khác	32	V1.09	230,516,678	1,772,947,791	13,651,122,377	3,735,567,137
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1,082,905,227	1,680,302,017	(3,268,220,530)	9,704,718,658
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(28,648,027,230)	15,845,431,852	8,152,898,887	61,552,251,988
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(2,942,981,109)	245,437,891	3,834,453,409	233,265,138
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(420,000,000)	(59,010,234)	(405,000,000)	12,750,000
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(25,285,046,121)	15,659,004,195	4,723,445,478	61,306,236,850
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(25,290,576,079)	15,646,540,888	4,656,451,802	61,359,577,134
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5,529,958	12,463,307	66,993,676	(53,340,284)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(385)	238	71	935
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		(385)	238	71	935

Người lập biểu



Mai Ngọc Tùng

Kế toán trưởng



Lê Tiến Dũng

Lập, ngày 19 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám đốc






CTy Cổ Phần Nam Việt

19D Trần Hưng Đạo, P Mỹ Quý, TP Long Xuyên-An Giang

Mẫu số B 03 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

## LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 4 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm nay đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2,787,796,552,638	2,935,663,832,981
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1,596,900,394,013)	(2,078,875,377,063)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(314,585,819,047)	(301,209,209,863)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(61,306,944,973)	(67,160,792,750)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,661,746,892,027	1,981,857,966,618
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1,393,334,726,599)	(1,821,522,525,828)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1,083,415,560,033</b>	<b>648,753,894,095</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(90,000,000)	(2,718,000,000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10,500,000,000	13,429,345,614
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(50,538,000,000)	(126,613,000,000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5,697,120,000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12,307,917,688	1,720,000,000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(22,122,962,312)</b>	<b>(114,181,654,386)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	9,999,560,000
2. Tiền thu từ đi vay	33		3,509,345,769,583	3,675,554,897,597
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4,512,396,900,704)	(4,221,254,975,155)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(23,655,262,089)	(16,655,859,176)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(34,241,644,325)	(32,137,249,300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1,060,948,037,535)</b>	<b>(584,493,626,034)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>344,560,186</b>	<b>(49,921,386,325)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>8,912,863,533</b>	<b>58,607,682,807</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>3,449,889,606</b>	<b>226,567,051</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>		<b>12,707,313,325</b>	<b>8,912,863,533</b>

Người lập biểu



Mai Nọc Tùng

Kế toán trưởng



Lê Tiên Dũng

Lập, ngày 19 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám đốc

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
  
**Nguyễn Duy Nhật**

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

##### 5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

##### 5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương	Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH thủy sản Biển Đông	19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Kinh doanh thủy sản xuất khẩu	91%	91%	91%	91%

(i) Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương.

(ii) Công ty nắm giữ 91% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty TNHH thủy sản Biển Đông.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 5c. Danh sách các Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần DAP số 2 - VinaChem	Xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm phân bón và hóa chất	40,5%	40,5%	40,5%	40,5%
Công ty cổ phần rau quả nông trại Xanh	Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.	Chế biến và bảo quản rau quả.	44,4%	44,4%	44,4%	44,4%

### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

### **3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

### **4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **5. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết***

#### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

## 9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## 10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07

## 11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 - 09
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08

### 12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

#### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 14. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### 15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 16. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty cổ phần Nam Việt.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

## 17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## 18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **19. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm/kỳ sau.

## **20. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## **21. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **24. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **25. Công cụ tài chính**

#### ***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	827.111.840	337.407.115
Tiền gửi ngân hàng <sup>(*)</sup>	11.880.201.485	8.575.456.418
<b>Cộng</b>	<b>12.707.313.325</b>	<b>8.912.863.533</b>

<sup>(\*)</sup> Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>74.411.129.774</i>	<i>117.021.115.946</i>
Triple T Corporation (USA)	74.351.346.708	116.247.815.946
Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh	59.783.066	-
Ông Doãn Chi Thanh	-	773.300.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>268.425.608.701</i>	<i>428.364.286.218</i>
Các khách hàng nước ngoài	265.968.994.697	423.473.594.942
Các khách hàng trong nước	2.456.614.004	4.890.691.276
<b>Cộng</b>	<b>342.836.738.475</b>	<b>545.385.402.164</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Các nhà cung cấp nước ngoài	95.170.887	
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	73.171.117.471	84.224.394.800
Các nhà cung cấp trong nước khác	23.793.483.160	12.158.168.541
<b>Cộng</b>	<b>97.059.771.518</b>	<b>96.382.563.341</b>

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các cá nhân khác</i>		
Cho Bà Cao Thị Kim Thanh vay với lãi suất 12%/năm	950.000.000	-
Cho Bà Nguyễn Thảo Trang vay với lãi suất 0%/năm	500.000.000	500.000.000
Cho các tổ chức và cá nhân khác vay, mượn	35.000.000	2.497.000
<b>Cộng</b>	<b>1.485.000.000</b>	<b>502.497.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>51.163.583</b>	-	<b>221.898.530</b>	-
Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh - Phải thu tiền bán vật tư	5.386.832	-	-	-
Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh - Phải thu chi hộ	5.776.751	-	-	-
Công ty TNHH Đại Tây Dương - Cho mượn vật tư	-	-	8.208.530	-
Ông Đỗ Lập Nghiệp - Tạm ứng	-	-	-	-
Ông Đoàn Chí Thiên - Tạm ứng	-	-	213.690.000	-
Ông Đoàn Quốc Hội	40.000.000	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>45.345.763.215</b>	<b>(269.400.682)</b>	<b>175.764.842.786</b>	<b>(856.076.393)</b>
Tạm ứng	5.189.156.927	-	8.390.985.852	-
Tiền lãi cho vay	4.457.660.067	(269.400.682)	1.554.053.007	-
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược (*)	32.113.080.000	-	153.614.979.360	-
Ký quỹ cho hãng tàu để nhập hàng bị trả lại về	1.111.570.663	-	-	-
Chi hộ BHXH An Giang	284.509.119	-	-	-
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	220.769.354	-	252.788.483	-
Ông Đỗ Thanh Xuân - Tiền cho mượn	1.454.798	-	9.689.536.500	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.967.562.287	-	2.262.499.584	(856.076.393)
<b>Cộng</b>	<b>45.396.926.798</b>	<b>(269.400.682)</b>	<b>175.986.741.316</b>	<b>(856.076.393)</b>

(\*) Công ty cầm cố tiền gửi có kỳ hạn với tổng số tiền là 31.700.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang (số đầu năm là 153.614.979.360 VND tại Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TPHCM và Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh An Giang).

**5b. Phải thu dài hạn khác**

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

**6. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>						
Phải thu tiền bán hàng	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	961.605.000	673.123.500	Quá hạn từ 06 năm đến dưới 01 năm	6.351.488.750	4.446.042.125
Phải thu khác	Quá hạn từ 06 tháng đến	1.007.316.667	705.121.667	Quá hạn từ 06 năm đến dưới	500.000.000	350.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	dưới 01 năm			01 năm		
Phải thu tiền bán hàng	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.068.450.000	534.225.000	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	25.940.235.006	12.970.117.503
Phải thu khác	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	206.041.667	103.020.833	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	706.461.187	353.230.593
Phải thu tiền bán hàng	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	32.742.143.068	9.822.642.920	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	4.586.397.444	1.374.644.702
Phải thu khác	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	513.121.212	153.936.364	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	181.767.504	54.530.251
Phải thu tiền bán hàng	Quá hạn trên 03 năm	4.104.238.444	-	Quá hạn trên 03 năm	86.082.933.379	-
Phải thu khác	Quá hạn trên 03 năm	200.000.000	-	Quá hạn trên 03 năm	2.117.161.015	-
<b>Cộng</b>		<b>40.802.916.058</b>	<b>11.992.070.284</b>		<b>126.466.444.285</b>	<b>19.548.565.174</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay ngắn hạn khó đòi như sau:

Số đầu năm	(106.917.879.111)
Trích lập dự phòng bổ sung	(10.163.533.657)
Xóa nợ	88.270.566.994
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(28.810.845.774)</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	71.457.555.498	-	107.909.512.703	-
Nguyên liệu, vật liệu	80.598.777.373	-	80.750.756.307	-
Công cụ, dụng cụ	4.597.972.985	-	3.308.717.383	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	496.889.549.968	-	565.581.035.975	-
Thành phẩm	620.279.794.854	(1.660.540.609)	362.611.590.753	(1.182.010.022)
Hàng hóa	-	-	194.103.548	-
Hàng gửi đi bán	30.239.470.236	-	28.396.910.083	-
<b>Cộng</b>	<b>1.304.063.120.914</b>	<b>(1.660.540.609)</b>	<b>1.148.752.626.752</b>	<b>(1.182.010.022)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	(1.182.010.022)
Trích lập dự phòng bổ sung	(478.530.587)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(1.660.540.609)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	4.120.434.082	760.824.167
Công cụ dụng cụ	1.394.018.170	5.000.250.585
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.196.679.498	21.433.332
<b>Cộng</b>	<b>6.711.131.750</b>	<b>5.782.508.084</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	-	71.156.902.669
Công cụ dụng cụ	11.063.595.092	24.746.449.655
Chi phí sửa chữa	2.979.657.607	3.011.158.489
Các chi phí trả trước dài hạn khác	4.522.192.925	400.015.036
<b>Cộng</b>	<b>85.342.461.363</b>	<b>99.314.525.849</b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	290.876.802.812	445.688.154.378	49.323.947.960	10.128.031.346	796.016.936.496
Mua trong kỳ	42.829.732	4.747.582.668	1.478.260.000	-	6.268.672.400
Đầu tư XDCB hoàn thành	8.808.437.477	421.991.583	-	-	9.230.429.060
Thanh lý, nhượng bán	(224.416.108)	(363.800.000)	(217.950.000)	-	(806.166.108)
Giảm khác	(77.117.423)	(63.600.724)	-	-	(140.718.147)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>299.426.536.490</b>	<b>450.430.327.905</b>	<b>50.584.257.960</b>	<b>10.128.031.346</b>	<b>810.569.153.701</b>

*Trong đó:*

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	169.762.954.462	247.912.535.132	41.618.626.439	8.389.976.333	467.684.092.366
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-

**Giá trị hao mòn**

Số đầu năm	228.115.775.737	301.450.594.300	42.354.642.905	8.985.393.890	580.906.406.832
Khấu hao trong kỳ	10.577.544.315	43.200.286.656	2.964.173.206	535.127.121	57.277.131.298
Thanh lý, nhượng bán	(224.416.108)	(363.800.000)	(217.950.000)	-	(806.166.108)
Giảm khác	-	(13.488.008)	-	-	(13.488.008)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>238.468.903.944</b>	<b>344.273.592.948</b>	<b>45.100.866.111</b>	<b>9.520.521.011</b>	<b>637.363.884.014</b>

**Giá trị còn lại**

Số đầu năm	62.761.027.075	144.237.560.078	6.969.305.055	1.142.637.456	215.110.529.664
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>60.957.632.546</b>	<b>106.156.734.957</b>	<b>5.483.391.849</b>	<b>607.510.335</b>	<b>173.205.269.687</b>

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng	-	574.035.000	-	-	574.035.000
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	111.858.329.474	5.142.952.000	117.001.281.474
Thuê tài chính trong kỳ	23.054.596.859	4.334.734.546	27.389.331.405
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>134.912.926.333</b>	<b>9.477.686.546</b>	<b>144.390.612.879</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	30.172.280.137	639.705.962	30.811.986.099
Khấu hao trong kỳ	20.383.990.763	953.870.363	21.337.861.126
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>50.556.270.900</b>	<b>1.593.576.325</b>	<b>52.149.847.225</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	81.686.049.337	4.503.246.038	86.189.295.375
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>84.356.655.433</b>	<b>7.884.110.221</b>	<b>92.240.765.654</b>

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Chương trình phần mềm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	116.673.761.675	361.998.100	117.035.759.775
Tăng do nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	98.623.040.650	-	98.623.040.650
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>215.296.802.325</b>	<b>361.998.100</b>	<b>215.658.800.425</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	128.058.100	128.058.100
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	569.697.155	315.210.100	884.907.255
Khấu hao trong kỳ	1.029.911.528	46.788.000	1.076.699.528
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.599.608.683</b>	<b>361.998.100</b>	<b>1.961.606.783</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	116.104.064.520	46.788.000	116.150.852.520
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>213.697.193.642</b>	<b>-</b>	<b>213.697.193.642</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 67.776.281.522 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang, Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang, Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong.

Ngoài ra, Công ty còn dùng Quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang có giá trị còn lại theo sổ sách là 38.018.688.862 VND để đảm bảo cho khoản vay



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển - Chi nhánh Bắc An Giang của Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trả trước dài hạn	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	164.744.293.920	86.129.461.930	(107.853.469.710)	(23.207.946.187)	119.812.339.953
Dự án các khu nuôi trồng thủy sản – tiền đất	127.589.266.127	78.179.200.108	(98.623.040.650)	(9.358.472.055)	97.786.953.530
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	30.796.605.859	2.789.479.826	(1.984.895.668)	(12.572.694.951)	19.028.495.066
Nhà máy chế biến thức ăn	6.337.230.317	3.467.483.223	(7.245.533.392)	(4.613.639)	2.554.566.509
Nhà máy đông lạnh		1.693.298.773		(1.250.973.925)	442.324.848
Công trình khác	21.191.617	-	-	(21.191.617)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	362.422.454	-	(362.422.454)	-
<b>Cộng</b>	<b>164.744.293.920</b>	<b>86.491.884.384</b>	<b>(107.853.469.710)</b>	<b>(23.570.368.641)</b>	<b>119.812.339.953</b>

**13. Các khoản đầu tư tài chính****13a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty cổ phần DAP số 2 - VinaChem <sup>(i)</sup>	612.900.000.000	(68.450.692.341)	544.449.307.659	517.355.000.000	-	517.355.000.000
Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh <sup>(ii)</sup>	12.000.000.000	(1.583.520.862)	10.416.479.138	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>624.900.000.000</b>	<b>(70.034.213.203)</b>	<b>554.865.786.797</b>	<b>517.355.000.000</b>	<b>-</b>	<b>517.355.000.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300265969 ngày 18 tháng 02 năm 2009, thay đổi lần thứ 4 ngày 19 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, vốn góp của Tập đoàn vào Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem là 607.500.000.000 VND, tương đương 40,5% vốn điều lệ. Trong năm, Tập đoàn đã đầu tư thêm 95.545.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn nắm giữ 60.750.000 cổ phiếu, tương đương 40,5% vốn điều lệ của Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem (số đầu năm là 51.195.500 cổ phiếu, tương đương 34,13%). Tập đoàn đã thế chấp toàn bộ chứng chỉ góp vốn này tại Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang nhằm đảm bảo cho khoản vay trung hạn.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 18013991357 ngày 03 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh 12.000.000.000 VND, tương đương 44,44% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ số vốn đầu tư (số đầu năm là 0 VND, tương đương 0% vốn điều lệ).

*Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết*

Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh và Công ty cổ phần DAP số 2 - VinaChem đã đi vào hoạt động. Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

### 13b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Giá gốc	Số cuối kỳ Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Số đầu năm Dự phòng	Giá trị hợp lý
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam (MSB)	135.000.000.000	-	135.000.000.000	135.000.000.000	-	135.000.000.000
Công ty cổ phần bảo hiểm Hàng Không	43.200.000.000	-	43.200.000.000	43.200.000.000	-	43.200.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt <sup>(i)</sup>	5.821.000.000	-	5.821.000.000	11.519.000.000	-	11.519.000.000
Công ty cổ phần cromit Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	(4.303.768.679)	16.000.231.321	20.304.000.000	(2.134.836.304)	18.169.163.696
Công ty cổ phần cromit Nam Việt	11.000.000.000	(11.000.000.000)	-	11.000.000.000	(11.000.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>215.325.000.000</b>	<b>(15.303.768.679)</b>	<b>200.021.231.321</b>	<b>221.023.000.000</b>	<b>(13.134.836.304)</b>	<b>207.888.163.696</b>

- (i) Trong kỳ Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt hoàn trả một phần vốn góp cho các thành viên do thu nhỏ quy mô theo Thông báo số 18/2015/CV-VCAM ngày 02 tháng 2 năm 2015.

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Số đầu năm	(13.134.836.304)
Trích lập dự phòng bổ sung	(72.203.145.578)

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số cuối kỳ **(85.337.981.882)****14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	225.000.000	237.750.000
Phát sinh trong năm	630.000.000	157.500.000
Hoàn nhập trong năm	(225.000.000)	(237.750.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>630.000.000</b>	<b>157.500.000</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15% x 50% (năm trước thuế suất là 15% x 50%).

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>11.223.842.444</i>	<i>23.558.697.101</i>
Công ty TNHH Đại Tây Dương	11.223.842.444	23.558.697.101
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>198.027.303.652</i>	<i>357.035.147.803</i>
Các nhà cung cấp nước ngoài	69.886.029.598	166.378.929.721
Các nhà cung cấp trong nước	128.141.274.054	190.656.218.082
<b>Cộng</b>	<b>209.251.146.096</b>	<b>380.593.844.904</b>

**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Các khách hàng nước ngoài	6.785.648.979	20.363.376.535
Các khách hàng trong nước	1.937.706.876	4.259.155.455
<b>Cộng</b>	<b>8.723.355.855</b>	<b>24.622.531.990</b>

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.190.233.960	15.614.814.892	(16.028.329.495)	776.719.357
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	7.065.442.354	(7.065.442.354)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	23.060.363	629.752.056	(652.812.419)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp <sup>(1)</sup>	233.265.138	3.837.884.866	(233.265.138)	3.837.884.866
Thuế thu nhập cá nhân	1.185.257.156	3.010.060.318	(3.383.581.448)	811.736.026
Các loại thuế khác	6.666.000	125.884.750	(121.254.550)	11.296.200
<b>Cộng</b>	<b>2.638.482.617</b>	<b>30.283.839.236</b>	<b>(27.484.685.404)</b>	<b>5.437.636.449</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu 0%
- Cá nguyên liệu



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

+ Công ty tự nuôi bán tổ chức cá nhân	Không chịu thuế
+ Công ty mua ngoài bán tổ chức	Không kê khai
+ Công ty mua ngoài bán cá nhân	5%
- Sản phẩm, dịch vụ khác	10%

### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Theo Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 thì thu nhập từ chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 15% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

(i) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ bao gồm:

- Tại Công ty cổ phần Nam Việt	2.785.261.015
- Tại Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương	1.052.623.851
<b>Cộng</b>	<b>3.837.884.866</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

### *Các loại thuế khác*

Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

## 18. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 còn phải trả người lao động.

## 19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí lãi vay	1.491.159.183	1.257.060.039
Chi phí cước tàu	1.243.753.000	1.015.452.125
Chi phí hoa hồng môi giới	1.526.328.850	4.654.323.766
Tiền cơm	603.777.113	1.741.949.535
Chi phí nhập hàng	2.034.808.597	
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.155.248.660	912.270.094

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

Cộng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	<b>8.055.075.403</b>	<b>9.581.055.559</b>
<b>20. Phải trả ngắn hạn khác</b>		
<b>20a. Phải trả ngắn hạn khác</b>		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>56.703.146.496</b>	<b>25.210.549.954</b>
Ông Doãn Tới - Cổ tức phải trả	41.152.674.950	17.379.589.474
Ông Doãn Chí Thiên - Cổ tức phải trả	15.224.376.600	7.612.188.300
Công ty TNHH Đại Tây Dương - Phải trả khác	326.094.946	218.772.180
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<b>4.733.220.808</b>	<b>9.778.542.778</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.021.733.586	1.243.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp		2.331.821.850
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.125.214.572	296.105.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.453.901.400	1.403.486.100
Công nợ hàng hóa tạm nhập	-	2.389.605.885
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.132.371.250	3.076.465.477
<b>Cộng</b>	<b>61.436.367.304</b>	<b>34.709.277.266</b>

**20b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn****21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>	<b>135.343.381.384</b>	<b>135.343.381.384</b>	<b>197.691.022.384</b>	<b>197.691.022.384</b>
Vay Công ty TNHH Đại Tây Dương <sup>(a)</sup>	10.635.022.384	10.635.022.384	88.171.022.384	88.171.022.384
Vay Công ty TNHH Thanh Thiên	-	-	7.100.000.000	7.100.000.000
Vay Công ty CP Rau Quả Nông Trại Xanh <sup>(b)</sup>	2.490.000.000	2.490.000.000	-	-
Vay Ông Doãn Tới <sup>(c)</sup>	418.359.000	418.359.000	2.420.000.000	2.420.000.000
Vay Bà Dương Thị Kim Hương <sup>(d)</sup>	121.800.000.000	121.800.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.167.728.787.876</b>	<b>1.167.728.787.876</b>	<b>1.160.856.441.734</b>	<b>1.160.856.441.734</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.094.054.635.823	1.094.054.635.823	1.133.777.053.945	1.133.777.053.945

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang<sup>(c)</sup></i>	416.917.550.864	416.917.550.864	331.561.602.080	331.561.602.080
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư &amp; Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình</i>	-	-	85.369.000.000	85.369.000.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn<sup>(b)</sup></i>	29.971.099.635	29.971.099.635	16.770.000.000	16.770.000.000
<i>Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang</i>	-	-	104.600.000.000	104.600.000.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh An Giang<sup>(a)</sup></i>	37.964.240.000	37.964.240.000	175.033.479.000	175.033.479.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong- Chi nhánh An Giang<sup>(b)</sup></i>	171.539.816.222	171.539.816.222	24.611.942.558	24.611.942.558
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang<sup>(b)</sup></i>	281.252.626.288	281.252.626.288	273.143.278.723	273.143.278.723
<i>Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng</i>	-	-	122.687.751.584	122.687.751.584
<i>Ngân hàng UOB – CN Hồ Chí Minh<sup>(b)</sup></i>	42.789.445.692	42.789.445.692	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Quốc Tế VN – CN Hồ Chí Minh<sup>(b)</sup></i>	113.619.857.122	113.619.857.122	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	40.875.000.000	40.875.000.000	-	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	32.799.152.053	32.799.152.053	27.079.387.789	27.079.387.789
<b>Cộng</b>	<b>1.303.072.169.260</b>	<b>1.303.072.169.260</b>	<b>1.358.547.464.118</b>	<b>1.358.547.464.118</b>

- (a) Vay không có tài sản đảm bảo Công ty TNHH Đại Tây Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cho vay 0%, thời hạn vay 12 tháng.
- (b) Vay không có tài sản đảm bảo Công ty CP Rau Quả Nông Trại Xanh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cho vay 0%, thời hạn vay 03 tháng.
- (c) Vay không có tài sản đảm bảo Ông Doãn Tới để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

### BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

- (d) Vay không có tài sản đảm bảo Bà Dương Thị Kim Hương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng.
- (e) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho và quyền sử dụng đất của Công ty.
- (f) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương và được đảm bảo bằng 9.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Nam Việt thuộc sở hữu của thành viên Hội đồng quản trị.
- (g) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho và máy móc thiết bị Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương.
- (h) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phần vốn góp của Công ty tại Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem, quyền sử dụng đất của Công ty và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty.
- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty.
- (j) Vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng UOB – CN TPHCM để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ.
- (k) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng 4.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Bảo Hiểm Hàng Không thuộc sở hữu của Công ty, các chứng khoán thuộc sở hữu của thành viên Hội đồng quản trị bao gồm 158.027 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, 681.427 cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu, 185.027 cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát, 415.892 cổ phiếu Công ty cổ phần Cơ điện lạnh REE và các chứng khoán thuộc sở hữu của cá nhân có liên quan bao gồm 1.871.991 cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, 2.695.500 cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn, tiền gửi có kỳ hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.133.777.053.945	4.740.834.279.591	-	5.052.742.439	(4.785.609.440.152)	1.094.054.635.823
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	95.271.022.384	26.905.000.000	-	-	(109.051.000.000)	13.125.022.384

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn các cá nhân	102.420.000.000	136.276.700.000	-	-	(116.478.341.000)	122.218.359.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	58.875.000.000	-	(18.000.000.000)	40.875.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	27.079.387.789	5.123.826.450	32.658.836.193	308.686.016	(32.371.584.395)	32.799.152.053
<b>Cộng</b>	<b>1.358.547.464.118</b>	<b>4.909.139.806.041</b>	<b>91.533.836.193</b>	<b>5.361.428.455</b>	<b>(5.061.510.365.547)</b>	<b>1.303.072.169.260</b>

**21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</b>	<b>169.041.578.844</b>	<b>169.041.578.844</b>	<b>82.141.578.844</b>	<b>82.141.578.844</b>
Vay Ông Đoàn Tới <sup>(a)</sup>	102.141.578.844	102.141.578.844	82.141.578.844	82.141.578.844
Công ty TNHH Đại Tây Dương	66.900.000.000	66.900.000.000	-	-
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>169.844.035.553</b>	<b>169.844.035.553</b>	<b>36.479.555.027</b>	<b>36.479.555.027</b>
Vay dài hạn ngân hàng	148.125.000.000	148.125.000.000	-	-
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong- Chi nhánh An Giang <sup>(b)</sup>	114.000.000.000	114.000.000.000	-	-
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang <sup>(c)</sup>	34.125.000.000	34.125.000.000	-	-
Nợ thuê tài chính	21.719.035.553	21.719.035.553	36.479.555.027	36.479.555.027
Thuê tài chính Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu để mua máy móc thiết bị	9.715.311.777	9.715.311.777	32.056.451.862	32.056.451.862
Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính Chailease để mua máy móc thiết bị	2.879.810.963	2.879.810.963	2.262.196.563	2.262.196.563
Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị	9.123.912.813	9.123.912.813	2.160.906.602	2.160.906.602
<b>Cộng</b>	<b>338.885.614.397</b>	<b>338.885.614.397</b>	<b>118.621.133.871</b>	<b>118.621.133.871</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

- (a) Vay không có tài sản đảm bảo Ông Doãn Tới để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%, thời hạn vay 36 tháng.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh An Giang để bù đắp chi phí đầu tư tài sản cố định nhà máy, máy móc thiết bị, vùng nuôi với thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 8,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phần vốn góp tại Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để đầu tư mở rộng vùng nuôi cá tra nguyên liệu với thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp chính tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<b>Tổng nợ</b>	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	189.000.000.000	40.875.000.000	148.125.000.000	
Vay dài hạn các cá nhân	169.041.578.844	-	169.041.578.844	-
Nợ thuê tài chính	54.518.187.606	32.799.152.053	21.719.035.553	-
<b>Cộng</b>	<b>412.559.766.450</b>	<b>73.674.152.053</b>	<b>338.885.614.397</b>	<b>-</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	-	-	-	-
Vay dài hạn các cá nhân	82.141.578.844	-	82.141.578.844	-
Nợ thuê tài chính	63.558.942.816	27.079.387.789	36.479.555.027	-
<b>Cộng</b>	<b>124.767.797.316</b>	<b>19.467.488.029</b>	<b>118.621.133.871</b>	<b>-</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá</b>	<b>Số tiền vay đã trả trong kỳ</b>	<b>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Vay dài hạn ngân hàng	13.320.824.584	219.000.000.000	-	(12.000.000.000)	(66.618.176.227)	153.702.648.357
Vay dài hạn các cá nhân	82.141.578.844	86.900.000.000	-	-	-	169.041.578.844
Nợ thuê tài chính	23.158.730.443	24.857.254.672	358.904.580	(7.099.048.462)	(25.134.454.037)	16.141.387.196
<b>Cộng</b>	<b>118.621.133.871</b>	<b>330.757.254.672</b>	<b>358.904.580</b>	<b>(19.099.048.462)</b>	<b>(91.752.630.264)</b>	<b>338.885.614.397</b>

**21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

**22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng phúc lợi như sau:

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Số đầu năm	1.269.360.441	1.532.078.168



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	14.000.000.000
Tăng khác	95.668.349	-
Chi quỹ	(151.777.093)	(14.262.717.727)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.213.251.697</b>	<b>1.269.360.441</b>

**23. Vốn chủ sở hữu****23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

**23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Doãn Tới	299.500.000.000	299.500.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	90.000.000.000	90.000.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	90.000.000.000	90.000.000.000
Các cổ đông khác	176.552.500.000	176.552.500.000
<b>Cộng</b>	<b>656.052.500.000</b>	<b>656.052.500.000</b>

**23c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.000.000	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	394.750	394.750
- Cổ phiếu phổ thông	394.750	394.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu phổ thông	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**23d. Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 41/2015/NQ.ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2015 như sau:

- Chia cổ tức cho các cổ đông : 59.044.725.000 VND

**24. Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	410.911.287	464.251.571
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát Công ty TNHH thủy sản Biển Đông	66.993.676	(64.949.589)

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>477.904.963</b>	<b>399.301.982</b>

**25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****25a. Ngoại tệ các loại**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Dollar Mỹ (USD)	368.316,23	348.920,56
Euro (EUR)	2.727,57	2.677,21

**25b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>VND</b>
Khách hàng nước ngoài	8.420.467,83	160.811.895.425	4.293.825,76	74.732.739.846
Khách hàng trong nước	-	20.651.635.850	-	18.993.056.577
<b>Cộng</b>		<b>181.463.531.275</b>		<b>93.725.796.423</b>

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Quý 4 năm 2015</b>	<b>Quý 4 năm 2014</b>
Doanh thu bán thành phẩm	691.873.542.902	854.006.682.769
Doanh thu bán nguyên liệu	675.899.576	878.279.827
Doanh thu khác	2.332.967.509	817.503.588
<b>Cộng</b>	<b>694.882.409.987</b>	<b>855.702.466.184</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Quý 4 năm 2015</b>	<b>Quý 4 năm 2014</b>
Hàng bán bị trả lại	6.747.955.110	-
Giảm giá hàng bán	1.151.041.496	2.566.180.886
<b>Cộng</b>	<b>7.898.996.606</b>	<b>2.566.180.886</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	<b>Quý 4 năm 2015</b>	<b>Quý 4 năm 2014</b>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	570.518.311.988	716.521.932.269
Giá vốn của nguyên liệu đã bán	659.678.629	-
Giá vốn khác	1.362.970.977	230.521.755
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	345.209.695	741.429.217
<b>Cộng</b>	<b>572.886.171.289</b>	<b>717.493.883.241</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Quý 4 năm 2015</b>	<b>Quý 4 năm 2014</b>
Lãi tiền gửi	1.129.296.000	2.874.882.423
Lãi tiền cho vay	3.874.018.173	3.874.261.167
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.704.472.850	1.936.131.851
<b>Cộng</b>	<b>9.707.787.023</b>	<b>8.685.275.441</b>

**5. Chi phí tài chính**

	<b>Quý 4 năm 2015</b>	<b>Quý 4 năm 2014</b>
Chi phí lãi vay	21.943.756.199	18.314.677.617
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.202.055.898	4.803.927.508
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.196.824.581	1.903.091.519
Chi phí tài chính khác	278.891.789	-
<b>Cộng</b>	<b>29.621.528.467</b>	<b>25.021.696.644</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**6. Chi phí bán hàng**

	<b>Quý 4 năm 2015</b>	<b>Quý 4 năm 2014</b>
Chi phí cho nhân viên	1.700.607.135	1.973.492.232
Chi phí vật liệu, bao bì	16.911.894	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	32.146.978	-
Chi phí kiểm hàng	2.348.522.154	2.811.555.827
Chi phí bốc hàng	3.516.145.379	3.393.417.141
Chi phí hoa hồng	6.847.883.322	10.030.934.387
Chi phí vận chuyển	20.069.870.172	44.758.859.006
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.472.748.782	-
Các chi phí khác	1.583.592.175	5.974.641.964
<b>Cộng</b>	<b>41.588.427.991</b>	<b>68.942.900.557</b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Quý 4 năm 2015</b>	<b>Quý 4 năm 2014</b>
Chi phí cho nhân viên	9.724.976.704	10.305.714.579
Chi phí vật liệu quản lý	411.613.637	388.823.274
Chi phí đồ dùng văn phòng	317.124.976	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	195.068.392	211.532.777
Thuế, phí và lệ phí	1.862.500.523	1.695.217.765
Dự phòng phải thu khó đòi	389.278.334	20.842.974.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.139.722.345	-
Chi phí tiếp khách	442.261.253	-
Chi phí bằng tiền khác	2.123.222.404	2.753.687.737
<b>Cộng</b>	<b>16.605.768.568</b>	<b>36.197.950.462</b>

**8. Thu nhập khác**

	<b>Quý 4 năm 2015</b>	<b>Quý 4 năm 2014</b>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	826.770.058
Thu tiền cho thuê	642.051.094	-
Thu tiền bồi thường	94.604.020	-
Xử lý công nợ tồn lâu	270.143.067	-
Thu nhập khác	306.623.724	2.626.479.750
<b>Cộng</b>	<b>1.313.421.905</b>	<b>3.453.249.808</b>

**9. Chi phí khác**

	<b>Quý 4 năm 2015</b>	<b>Quý 4 năm 2014</b>
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	-	506.068.904
Thuế bị phạt, truy thu	12.166.300	-
Xử lý công nợ tồn lâu	33.750.000	-
Chi phí công cụ dụng cụ không sử dụng	24.958.828	-
Chi phí khác	159.641.550	1.266.878.887
<b>Cộng</b>	<b>230.516.678</b>	<b>1.772.947.791</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**10. Lãi trên cổ phiếu**

	<b>Quý 4 năm 2015</b>	<b>Quý 4 năm 2014</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(25.290.576.079)	15.646.540.888
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	(25.290.576.079)	25.000.628.596
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	65.605.250	65.605.250
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(385)</b>	<b>238</b>

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Quý 4 - 2015</b>	<b>Quý 4 - 2014</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.333.119.785.564	1.573.352.209.769
Chi phí nhân công	108.311.434.351	113.423.053.796
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.809.034.742	21.397.850.498
Chi phí dịch vụ mua ngoài	185.648.208.999	116.811.591.424
Chi phí khác	5.678.843.531	4.857.171.279
<b>Cộng</b>	<b>1.650.567.307.187</b>	<b>1.829.841.876.766</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Doãn Tới		
Công ty đi vay	49.526.700.000	80.495.000.000
Công ty chia cổ tức	26.955.000.000	26.955.000.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

### BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Bà Dương Thị Kim Hương <i>Công ty đi vay</i>	105.500.000.000	-
Ông Doãn Chí Thanh <i>Tạm ứng</i>	210.000.000	212.200.000
<i>Công ty chia cổ tức</i>	8.100.000.000	7.612.188.300
Ông Đỗ Lập Nghiệp <i>Tạm ứng</i>	20.000.000	-
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt Ông Doãn Chí Thiên <i>Tạm ứng</i>	85.670.000	263.690.000
<i>Công ty chia cổ tức</i>	8.100.000.000	7.612.188.300

#### *Cam kết bảo lãnh*

Công ty dùng 4.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Bảo Hiểm Hàng Không thuộc sở hữu của công ty để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này.

Ông Doãn Tới dùng 158.027 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, 681.427 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu, 185.337 cổ phiếu của Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát, 415.892 cổ phiếu của Công ty cổ phần Cơ điện lạnh REE thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này.

Ông Doãn Chí Thiên dùng 1.871.991 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, 2.695.500 cổ phiếu của Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này.

Ông Doãn Chí Thanh dùng 9.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Nam Việt thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này.

#### *Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Công ty liên kết
Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thanh Thiên	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cổ phần cromit Nam Việt	Công ty cùng chủ đầu tư
Triple T Corporation (USA)	Công ty do con của chủ tịch HĐQT thành lập tại Hoa Kỳ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH Đại Tây Dương</b>		
Mua sản phẩm, vật tư	68.502.564	7.020.000
Bán thành phẩm, bao bì, vật tư	40.638.034	-
Tiền điện, dịch vụ khác	-	2.682.752.836
Đi vay	79.515.000.000	107.456.963.881
Cho vay	-	1.868.000.000
Lãi cho vay	-	75.044.736
Thu hộ	8.087.278	1.476.627
<b>Công ty cổ phần Cromit Nam Việt</b>		
Cho vay	-	850.000.000
<b>Công ty cổ phần rau quả Nông Trại Xanh</b>		
Bán nguyên liệu, vật tư	684.655.485	-
Đi vay	14.290.000.000	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

### 2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Quý 4 năm 2015	Quý 4 năm 2014
Xuất khẩu	609.815.525.813	770.193.793.218
Trong nước	77.167.887.568	82.942.492.080
<b>Cộng</b>	<b>686.983.413.381</b>	<b>853.136.285.298</b>

Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến cá.

### 3. Số liệu so sánh

#### 3a. Áp dụng Chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

#### 3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>502.497.000</b>	<b>(502.497.000)</b>	<b>-</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	502.497.000	(502.497.000)	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>13.780.697.668</b>	<b>162.722.152.212</b>	<b>176.502.849.880</b>
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	502.497.000	502.497.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	13.780.697.668	162.206.043.648	175.986.741.316
Tài sản thiếu chờ xử lý	138	-	13.611.564	13.611.564
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>162.219.655.212</b>	<b>(162.219.655.212)</b>	<b>-</b>
Tài sản ngắn hạn khác	155	-	(162.219.655.212)	-
		162.219.655.212		
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>-</b>	<b>10.562.705.092</b>	<b>10.562.705.092</b>
Phải thu dài hạn khác	216	-	10.562.705.092	10.562.705.092
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>10.562.705.092</b>	<b>(10.562.705.092)</b>	<b>-</b>
Tài sản dài hạn khác	268	10.562.705.092	(10.562.705.092)	-



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### 4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

##### *Phải thu khách hàng*

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

##### *Các khoản cho vay*

Công ty cho các công ty con và các cá nhân liên quan vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.707.313.325	-	-	-	12.707.313.325
Phải thu khách hàng	303.960.301.963	-	-	38.876.436.512	342.836.738.475
Các khoản cho vay	1.485.000.000			-	1.485.000.000
Các khoản phải thu khác	58.996.483.970	-	-	476.479.546	59.472.963.156
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	184.021.000.000	-	-	31.304.000.000	215.325.000.000
<b>Cộng</b>	<b>561.170.099.258</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>70.656.916.058</b>	<b>631.827.015.316</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.912.863.533	-	-	-	8.912.863.533
Phải thu khách hàng	422.043.716.099	-	-	123.341.686.065	545.385.402.164
Các khoản cho vay	502.497.000	-	-	-	502.497.000
Các khoản phải thu khác	176.535.090.453	-	-	1.224.311.876	177.759.402.329
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	189.719.000.000	-	-	31.304.000.000	221.023.000.000
<b>Cộng</b>	<b>797.713.167.085</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>155.869.997.941</b>	<b>953.583.165.026</b>

#### 4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Các công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	1.303.072.169.260	338.885.614.397	-	1.641.957.783.657
Phải trả người bán	209.251.146.096	-	-	209.251.146.096
Các khoản phải trả khác	68.469.709.121	-	-	68.469.709.121
<b>Cộng</b>	<b>1.580.793.024.477</b>	<b>338.885.614.397</b>	<b>-</b>	<b>1.919.678.638.874</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	1.358.547.464.118	118.621.133.871	-	1.477.168.597.989
Phải trả người bán	380.593.844.904	-	-	380.593.844.904
Các khoản phải trả khác	41.957.267.975	-	-	41.957.267.975
<b>Cộng</b>	<b>1.781.098.576.997</b>	<b>118.621.133.871</b>	<b>-</b>	<b>1.899.719.710.868</b>

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### 4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	USD	EUR	CNY	USD	EUR	CNY
Tiền và các khoản tương đương tiền	368.316,23	2.727,57	-	349.304,48	2.677,21	-
Phải thu khách hàng	14.500.759,33	-	-	25.314.925,49	-	987.261,20
Các khoản phải thu khác	294.398,60	-	-	256.272,94	-	-
Vay và nợ	(12.102.356,61)	-	-	(31.661.169,17)	-	-
Phải trả người bán	(3.100.533,69)	-	-	(7.785.995,11)	-	-
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(39.416,14)</b>	<b>2.727,57</b>	<b>-</b>	<b>(13.526.661,37)</b>	<b>2.677,21</b>	<b>987.261,20</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do nợ phải trả thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

### *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

### *Rủi ro về giá nguyên vật liệu*

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

#### **4d. Tài sản đảm bảo**

##### *Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Tập đoàn thế chấp khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và phần vốn góp tại Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh An Giang.

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

##### *Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác*

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### **5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.707.313.325	8.912.863.533	12.707.313.325	8.912.863.533
Phải thu khách hàng	342.836.738.475	545.385.402.164	314.990.293.383	440.966.101.915
Các khoản cho vay	1.485.000.000	502.497.000	790.000.000	502.497.000
Các khoản phải thu khác	59.472.963.516	177.759.402.329	59.203.562.834	176.903.325.936
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	215.325.000.000	221.023.000.000	200.021.231.321	207.738.163.696
<b>Cộng</b>	<b>631.827.015.316</b>	<b>953.583.165.026</b>	<b>587.712.400.863</b>	<b>835.022.952.080</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	1.641.957.783.657	1.477.168.597.989	1.641.957.783.657	1.477.168.597.989
Phải trả người bán	209.251.146.096	380.593.844.904	209.251.146.096	380.593.844.904



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản phải trả khác	68.469.709.121	41.957.267.975	68.469.709.121	41.957.267.975
<b>Cộng</b>	<b>1.919.678.638.874</b>	<b>1.899.719.710.868</b>	<b>1.919.678.638.874</b>	<b>1.899.719.710.868</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.


Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản cho vay, các khoản phải thu khác, vay và nợ, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.



**Mai Ngọc Tùng**  
Người lập biểu



**Lê Tiến Dũng**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Duy Nhứt**  
Phó Tổng Giám đốc

# **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	660,000,000,000	611,965,459,100	-	(27,417,629,848)	119,955,573,858	1,364,503,403,110
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	61,359,577,134	20,118,462,487
Trích các quỹ	-	-	-	-	(14,000,000,000)	(12,000,000,000)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(59,044,725,000)	(59,044,725,000)
<b>Số dư cuối kỳ năm trước</b>	<b>660,000,000,000</b>	<b>611,965,459,100</b>	<b>-</b>	<b>(27,417,629,848)</b>	<b>108,270,425,992</b>	<b>1,313,577,140,597</b>
Số dư đầu năm nay	660,000,000,000	611,965,459,100	-	(27,417,629,848)	108,270,425,992	1,352,818,255,244
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	4,656,451,802	4,656,451,802
Tăng vốn kinh doanh từ lợi nhuận sau thuế	-	-	49,000,000,000	-	(49,000,000,000)	-
Giảm vốn kinh doanh chuyển về lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	20,000,000,000	(59,044,725,000)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(59,044,725,000)	(59,044,725,000)
<b>Số dư cuối kỳ năm nay</b>	<b>660,000,000,000</b>	<b>611,965,459,100</b>	<b>29,000,000,000</b>	<b>(27,417,629,848)</b>	<b>24,882,152,794</b>	<b>1,298,429,982,046</b>

Đơn vị tính: VND

TP. Long Xuyên, ngày 19 tháng 01 năm 2016



**Mai Ngọc Tùng**  
Người lập biểu



**Lê Tiến Dũng**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Duy Nhứt**  
Phó Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Số : ....75.../CV-KTTC

Trích yếu: "Giải trình biến động lợi nhuận  
Hợp nhất quý IV/2015 so cùng kỳ"

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long Xuyên, ngày 19 tháng 01 năm 2016

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế hợp nhất như sau:

- Lợi nhuận sau thuế quý IV/2015:	-25.285.046.121 đồng
- Lợi nhuận sau thuế quý IV/2014:	15.659.004.195 đồng

Giảm 40.944.050.316 đồng tương đương giảm 261,47%.

**Nguyên nhân chủ yếu:**

- Do trong quý IV/2015 ghi nhận số lỗ của công ty DAP2 số tiền 64.136.715.684 đồng.

Công ty xin giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết.

Trân trọng kính chào.

**Nơi nhận:**

- Như trên  
- Ban TGD  
- Lưu VT

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Duy Nhật*